

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160 /2022/HS-ST

Ngày 26 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ BẮC GIANG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Hà

2. Bà Hà Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân T phố Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 158/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/ QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Đỗ Tuấn T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 88, đường T, phường L, T phố B, tỉnh B

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Đỗ Th, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/6/2022, Công an T phố Bắc Giang lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 28/6/2022, Công an T phố Bắc Giang ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 179/QĐ-XPHC về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Nhân thân:

- Ngày 28/12/2000, bị Công an thị xã Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Quyết định số 665/QĐ-CT ngày 10/6/2005 của chủ tịch UBND thị xã Bắc Giang về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn là 12 tháng.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 90/2015/HSPT ngày 29/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong toàn bộ bản án và được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

** Bị hại:*

Anh Lê Quang T1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 48, ngõ 134, đường L, phường L, T phố B, tỉnh B.

** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Duy C, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, đường Võ Thị S, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B.

2. Hoàng Thế V, sinh ngày 21/6/2006

Người đại diện hợp pháp của cháu V: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 143, Ch, phường L, T phố B, tỉnh B. (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Tuấn T là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Khoảng 10 giờ ngày 24/6/2022, T đi bộ từ nhà đi quanh T phố Bắc Giang mục đích tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi qua nhà anh Lê Quang T1 ở số 48, ngõ 134, đường Li, phường L, T phố B T nhìn thấy có 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, biển kiểm soát 98MĐ1-121.77, màu sơn đen-xám để ở trước Ca, chìa khóa xe vẫn đang cắm trên xe. Chiếc xe này là của anh Lê Quang T1 cho cháu họ là Hoàng Thế V, sinh năm 2006 trú tại số nhà 18 ngõ 143 Châu Xuyên, phường L, T phố B mượn. Ngày 24/6/2022, anh V đi xe đến trả anh Tuấn và để xe ở trước Ca nhà. Thấy không có ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp nên đã đến gần rồi ngồi lên xe, mở khóa, điều khiển xe đi ra ngoài đường. T điều khiển xe đi đến nhà ông Ngô Duy C, sinh năm 1952 trú tại số nhà 15, đường Võ Thị S, phường Hoàng Văn T, T phố B để đặt vấn đề vay 1.000.000 đồng và đặt lại chiếc xe trên làm tin. T nói dối với ông C là xe của bạn nhờ T đem đi giúp cầm cố. Do ông C và T đã quen biết nhau từ trước nên ông C đồng ý và lấy một mảnh giấy tự viết dòng chữ “24-6 xe điện T 1.000.000 (Một triệu đồng)” rồi yêu cầu T ký tên xác nhận dưới phần “Người ký gửi”.

Đến khoảng 16 giờ ngày 25/6/2022, T đi đến nhà ông C đặt vấn đề muốn bán chiếc xe với giá 1.800.000 đồng, ông C đồng ý mua và đưa thêm cho T số tiền 800.000 đồng nhưng do không kiểm đếm nên ông C đưa thiếu 100.000 đồng. Sau đó, ông C đưa cho T 01 tờ giấy để T viết “Giấy bán xe” với nội dung: “Tên tôi là T bán cho ông C 1 cái xe đạp điện màu trắng” và ký tên xác nhận phía dưới. Sau khi đọc lại, ông C thấy nội dung T viết chưa đầy đủ nên đã tự viết lại “Giấy bán xe” ở bên cạnh với nội dung: “Tên tôi là Nguyễn Văn T ở Lê Lợi có bán cho ông C 1 chiếc xe điện màu trắng đen, giá tiền là 1.800.000 Một triệu tám trăm ngàn đồng. Tôi đã nhận đủ tiền và giao xe cho ông C toàn quyền sở hữu. Số BKS 98MĐ1 12177. Ngày 25-6-2022” và cho T ký tên dưới phần “Người bán xe ký”. Số tiền 1.700.000 đồng có được từ việc bán xe, T sử dụng để chi tiêu cá nhân và còn lại số tiền 265.000 đồng.

Ngày 25/6/2022, anh Lê Quang T1 có đơn trình báo Công an phường Lê Lợi, T phố Bắc Giang. Ngày 26/6/2022, Đỗ Tuấn T đầu thú, khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy điện và giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009; 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng và số tiền 265.000 đồng.

Ngày 26/6/2022, ông Ngô Duy C giao nộp: 01 xe mô tô điện biển số 98MĐ1-121.77, màu sơn đen-xám, nhãn hiệu Dibao; 01 chìa khóa xe mô tô điện nhãn hiệu Dibao; 01 “Giấy bán xe” đề ngày 25/6/2022; 01 giấy có nội dung “24-6 xe điện T 1.000.000 (Một triệu đồng) người gửi ký T” .

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên 02 tờ giấy do ông Ngô Duy C giao nộp. Kết luận giám định số 1200/KL-KTHS ngày 13/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

1. “Chữ ký dạng chữ viết có nội dung “T” dưới mục “Người ký gửi” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết có nội dung “T bán xe cho ông C 1 cái xe đạp điện màu trắng” và chữ ký dạng chữ viết có nội dung “T” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Tuấn T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M4, M5, M6) là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2 – trừ nội dung đã kết luận ở trên) so với chữ viết của Ngô Duy C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐG ngày 29/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố Bắc Giang kết luận: “01 xe máy điện nhãn hiệu “DIBAO”, biển kiểm soát 98MĐ1-121.77, màu sơn đen-xám, số khung: EK1KKAP03488, số máy: 191119357118, xe đăng ký lần đầu ngày 05/6/2020, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá là 8.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Kết quả điều tra xác định anh Lê Quang T1 mua chiếc xe máy điện biển kiểm soát 98MĐ1-121.77 của chị Trần Thị Hồng M,

sinh năm 1965 ở số nhà 14 ngõ 278, đường Lưu Nhân C, phường Th, T phố B. Ngày 24/8/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tuấn.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Quang T1 không yêu cầu bồi thường dân sự, ông Ngô Duy C yêu cầu T bồi thường số tiền 1.700.000 đồng.

Đối với ông Ngô Duy C mua chiếc xe máy điện biên kiểm soát 98MĐ1-121.77 nhưng không biết là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Bản Cáo trạng số 160/CT-VKS ngày 08 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang truy tố bị cáo Đỗ Tuấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như bản Cáo trạng đã nêu và bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài đồ vật, tài sản bị thu giữ như bản Cáo trạng nêu, Cơ quan Công an còn thu giữ của bị cáo 01 thẻ rút tiền Techcombank nhưng trong thẻ không còn tiền nên bị cáo không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, sau này khi bị cáo chấp hành án xong nếu có nhu cầu sử dụng bị cáo sẽ làm lại thẻ khác.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tuấn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 26/6/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Buộc bị cáo phải hoàn trả ông Ngô Duy C số tiền 1.700.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 265.000đồng đã tạm giữ của bị cáo được niêm phong trong 01 phong bì.

- Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009; 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009 để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐĐG ngày 29/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự T phố Bắc Giang và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 24/6/2022, tại trước cổng nhà anh Lê Quang T1 ở số 48, ngõ 134, đường Li, phường L, T phố B, bị cáo Đỗ Tuấn T có hành vi trộm cắp của anh Lê Quang T1 một chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, biển kiểm soát 98MĐ1-121.77 trị giá 8.000.000 đồng sau đó đem đi bán cho ông Ngô Duy C được 1.700.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của anh Tuấn. Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang truy tố bị cáo theo khoản, Điều luật nêu trên là có căn cứ.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý bất an cho người dân. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo T khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị

cáo ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, đã bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, bị xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng không cải sửa nay lại phạm tội do cố ý. Do vậy, để răn đe, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Bị hại đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường, hoàn trả gì nên HĐXX không xem xét.

[8.2] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Duy C yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 1.700.000 đồng thì thấy: Khi mua xe do bị cáo đem bán, ông C không biết chiếc xe là tài sản do bị cáo chiếm đoạt của người khác, khi giao nhận tiền hai bên có viết giấy vay tiền thể hiện số tiền ông C trả bị cáo là 1.700.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả ông C số tiền 1.700.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 579; Điều 580 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận.

[9] Về xử lý tài sản, vật chứng thu giữ:

[9.1] Chiếc xe máy điện biển kiểm soát 98MĐ1-121.77 là tài sản của anh Lê Quang T1, ngày 24/8/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Tuấn là phù hợp.

[9.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009; 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng là của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia để đảm bảo thi hành án.

[9.3] Đối với số tiền 265.000 đồng tạm giữ của bị cáo khi bị cáo ra đầu thú được niêm phong trong 01 phong bì thư là tiền còn lại trong tổng số tiền 1.700.000 đồng bị cáo có được từ việc bán tài sản trộm cắp. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị đối trừ số tiền này vào số tiền 1.700.000 đồng bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Duy C là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Đối với ông Ngô Duy C, khi mua chiếc xe máy điện biển kiểm soát 98MĐ1-121.77 nhưng không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Tại phiên tòa, bị cáo khai Cơ quan Công an T phố Bắc Giang còn thu giữ của bị cáo 01 thẻ rút tiền Techcombank nhưng trong thẻ không còn tiền. Tuy

nhiên, tài liệu trong hồ sơ không thể hiện việc Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo đồ vật này, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì nếu có nhu cầu sử dụng bị cáo sẽ làm lại thẻ khác nên Hội đồng xét xử xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tuấn T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 26/6/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

- Buộc bị cáo Đỗ Tuấn T phải hoàn trả ông Ngô Duy C số tiền 1.700.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 265.000đồng đã tạm giữ của bị cáo được niêm phong trong 01 phong bì.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

- Trả lại bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009; 01 thẻ cào điện thoại Viettel mệnh giá 20.000 đồng nhưng tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh lấp sim số 0336.035.009 để đảm bảo thi hành án.

(theo Quyết định chuyển vật chứng số 126/QĐ-VKS ngày 08/9/2022 của

Viện kiểm sát nhân dân T phố Bắc Giang)

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND T phố Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cơ quan điều tra Công an T phố Bắc Giang;
- Cơ quan THAHS Công an T phố Bắc Giang;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thị Luyện

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(ĐÃ KÝ)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)